TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 10/HNGĐ-ST Ngày 07/8/2018 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"giữa chị Lê Thị Phương D và anh Dương Văn T"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tất Thắng
2. Ông Trần Đức Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/07/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương D, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1995 (vắng mặt)
HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Tạm trú: Tổ 1, khu phố 4, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Phương D trình bày:

Chị D và anh T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới hỏi vào năm 2015, đến ngày 03 tháng 10 năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên bỏ nhà đi tụ tập với bạn bè. Từ tháng 7/2017 đến nay, vợ chồng đã tự sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nên chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T.

Quá trình chung sống chị D và anh T có một con chung là cháu Dương Đức D sinh ngày 15/8/2015. Nguyện vọng chị D khi ly hôn được quyền trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa: Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Lê Thị Phương D khởi kiện yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Dương Văn T đang cư trú tại tổ 1, khu phố 4, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường t, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 03/10/2016, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: nguyên đơn trình bày trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cải vã và đã tự sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy không xác định được nguyên nhân

mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng trên thực tế nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau; bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia các buổi làm việc cũng như hòa giải, từ đó có thể thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, xét thấy không cần thiết phải xác minh thêm về nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn, mà cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị Phương D.

[4] Về con chung: xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh T không có ở địa phương, không rõ nơi ở mới và thu nhập, chị D trình bày hiện chị làm công nhân phân loại điều, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng (Tám triệu đồng). Đồng thời trong thời gian tự sống ly thân chị D vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng và các quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung nên cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị D, giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] *Về án phí:* Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Lê Thị Phương D được ly hôn với anh Dương Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Dương Đức D sinh ngày 15/08/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005xxx ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 07/8/2018; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt